TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

“MẤY ĐIỆU SEN THANH” - Gương vãng sinh Tịnh Độ (Phần 1)

ISSN: 2734-9195 08:00 15/01/2025

Kế đó ngài tạm nằm nghỉ, mộng thấy mình cầm đuốc bay lên hư không về Tây Phương Cực Lạc, được Đức A Di Đà tiếp dẫn để trên bàn tay, đưa đi dạo khắp mười phương quốc độ.

Sách này được dịch từ nguyên bản “TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC” của Phật giáo Trung Hoa. Bộ sách này do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện NIỆM PHẬT được VÃNG SINH soạn ra. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sinh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm để bổ túc vào. Như vậy sách được gần một ngàn truyện. Người tu Tịnh Độ vãng sinh rất nhiều, nhưng do những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, ngày xưa lưu thông phát hành chưa thuận tiện, nên các chuyện NIỆM PHẬT vãng sinh không được ghi chép đầy đủ. Những truyện tích sưu tập trong sách này nhằm để làm gương mẫu mực cho những người tu Tịnh Độ sau này.

- Tác giả: Bành Tế Hanh & Hy Tốc

- Dịch Việt: Hòa thượng Thích Thiền Tâm

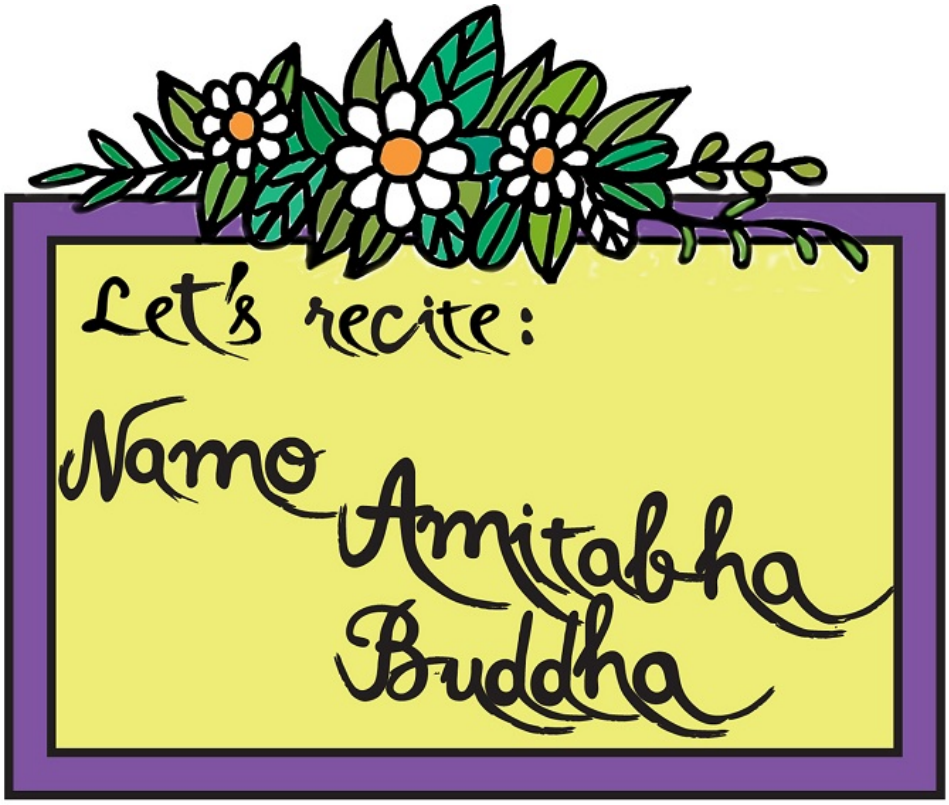
- Nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2018.

--

Dưới đây là trích từ trong sách:

1. LONG THỌ ĐẠI SĨ

Long Thọ Đại Sĩ, tiếng Phạn gọi là NÀGÀRJUNA, người dòng Phạm chí, ứng thế ở xứ Nam Thiên Trúc, sau Phật diệt độ bảy trăm năm.



Tương truyền ngài sinh dưới cây A Châu Đà Na, cây này có năm trăm vị Long thần ở.

Lại nhờ Long Vương Bồ Tát mà Ngài thành đạo, nên lấy hiệu là LONG THỌ.

Trong quyển Tam Bảo Cảm Ứng Lục có trích dẫn:

"*Theo kinh KIM CANG CHÍNH TRÍ, thì thời quá khứ, ngài Mã Minh đã thành Phật, hiệu là ĐẠI QUANG MINH NHƯ LAI.*

Ngài LONG THỌ hiệu là DIỆU VÂN TƯỚNG NHƯ LAI.

Lại theo kinh Đại Trang Nghiêm Tam Muội, ngài Mã Minh là vị Cổ Phật hiệu Nhật Nguyệt Tinh Minh.

Ngài LONG THỌ là Diệu Vân Tự Tại Vương Phật".

Truyện Phú Pháp Tạng cũng nói về ngài như sau :

"*Bản vị nguyên là Phật Diệu Vân. Ứng tích ở ngôi Hoan Hỷ Địa*".

Truyền ký về ngài có nhiều điểm thần kỳ, như việc mở Thiết tháp ở Nam Thiên Trúc học về Mật giáo.

Ngài được Đại Long Bồ Tát đem vào hải cung đọc kinh HOA NGHIÊM và các kinh điển đại thừa.

Vì thế, ngài một thân mà kiêm làm Tổ sư của tám tông phái Phật giáo.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Ca Tỳ Ma La, làm vị Tổ thứ bốn bên Thiền tông. Long Thọ Đại Sĩ đi hoằng hóa các nơi và có trứ thuật nhiều bộ luận.

--

*Trong luận Tỳ Bà Sa của ngài viết, có đoạn khen ngợi về TỊNH ĐỘ như sau:

Nếu người muốn thành Phật,

Xưng niệm A Di Đà;

Ứng thời vì hiện thân;

Nên nay con quy mạng.

Do sức nguyện Phật kia

Mười phương chư Bồ Tát

Đến nghe pháp cúng dường

Nên con cúi đầu lễ.

Các Bồ Tát cõi ấy

Đầy đủ những tướng hảo

Thân đẹp tự trang nghiêm

Nên con lạy quy y.

Chư Bồ Tát Cực Lạc

Mỗi ngày trong ba thời

Cúng dường Phật mười phương

Nên con cúi đầu lạy.

Nếu người trồng căn lành

Nghi thì hoa không nở

Kẻ lòng tin thanh tịnh

Hoa nở được thấy Phật;

Hiện tại Phật mười phương

Dùng các thứ nhân duyên;

Khen công đức A Di Đà

Nên con quy mạng lễ.

Cõi Cực Lạc nghiêm đẹp

Màu nhiệm hơn thiên cung

Công đức rất sâu dày

Nên con lễ chân Phật.”

--



Ngài lại tạo bộ luận ĐẠI TRÍ ĐỘ, trong đoạn khai thị về PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ có dạy:

"NIỆM PHẬT TAM MUỘI có thể trừ các thứ phiền não và những tội đời trước.

Các pháp tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm, không thể trừ được nghiệp sân.

Có môn trừ được nghiệp sân, không thể trừ nghiệp dâm.

Có môn trừ được nghiệp si, không thể trừ dâm, sân.

Có môn trừ được ba độc tham, sân, si, không thể trừ các tội đời trước.

*MÔN NIỆM PHẬT TAM MUỘI có thể trừ các thứ phiền não và các thứ tội chướng.

Lại nữa, NIỆM PHẬT TAM MUỘI có phước đức lớn, hay độ chúng sinh.

Chư Bồ Tát muốn mau diệt tội chướng, được nhiều phước đức, sớm độ chúng sinh, không chi hơn tu môn NIỆM PHẬT TAM MUỘI ...

- Hỏi:

- BỒ TÁT PHẢI THƯỜNG Ở CÕI TRẦN LAO ĐỂ GIÁO HÓA CHÚNG SANH. SAO LẠI NGUYỆN SINH VỀ TỊNH ĐỘ?

- Đáp:

Nếu chưa vào VÔ SINH PHÁP NHẪN của Bồ Tát vị, chưa được thọ ký, chưa đến ngôi BẤT THỐI CHUYỂN, mà xa lìa chư Phật, tất sẽ chìm trong biển phiền não, hư mất hết các căn lành!

Như thế, đã không thể độ mình, làm sao độ chúng sinh được?

Ví như kẻ dùng chiếc thuyền không bền chắc để đưa người, khi gặp sóng to gió lớn, tất thuyền sẽ bị hư rã, mình và người đều chết đắm.

Lại như người đem ấm nước sôi đổ vào ao băng tuyết, muốn cho ao băng tuyết tiêu tan.

Ban sơ chỉ tan được chút ít, kết cuộc chính nước sôi ấy sẽ trở thành băng tuyết.

Bồ Tát chưa vào Vô sanh pháp vị mà xa lìa chư Phật cũng lại như thế!

Nếu Bồ Tát chưa đủ nhẫn lực, chưa đủ phương tiện, muốn dùng chút ít công đức để ra hóa độ chúng sinh, sự lợi ích tuy có đôi phần, nhưng trái lại chính mình sẽ bị đọa lạc ...

-Lại nữa, nếu Bồ Tát mắt thường thấy sắc tướng của Phật, tai thường nghe âm thanh Phật nói, thì tâm sẽ được thanh tịnh, được pháp lạc, được trí tuệ lớn.

Kế đó, y theo lời dạy tu hành, tất sẽ mau giải thoát.

Gặp Phật được vô lượng sự lợi ích như thế.

Tại sao không nhất tâm cầu về cõi Phật?

Như trẻ thơ không nên rời mẹ, người đi xa không rời lương thực, lúc nóng bức không rời gió nước trong mát, tiết nghiêm hàn không rời sưởi ấm, sang sông không rời thuyền câu, đau bệnh không rời thuốc hay;

Bồ Tát không rời chư Phật còn quá hơn các việc như trên.

Tại sao thế?

Bởi dù là cha mẹ, hàng thân thuộc, bậc thiện tri thức, ngôi vua chúa, hay các đấng thiên vương, cũng không thể làm lợi ích cho chúng sinh bằng Phật.

Chư Phật có đủ năng lực đưa loài hữu tình lìa các cảnh khổ, lần lần tiến lên ngôi vị Thế Tôn...

- Hỏi: LÀM THẾ NÀO ĐỂ THƯỜNG ĐƯỢC GẦN GŨI CHƯ PHẬT?

- Đáp: Chúng sinh luân hồi từ vô thỉ kiếp, tạo vô lượng tội chướng nhân duyên.

Cho nên, dù có tu phước đức, trí tuệ vẫn kém ít, dù có tu trí tuệ, phước đức cũng không được bao nhiêu.

Bồ Tát khi cầu Phật đạo, cần phải thực hành sinh nhẫn và pháp nhẫn.

Do thực hành sinh nhẫn, đối với tất cả chúng sanh phát tâm từ bi hỷ xả, nên diệt được tội chướng trong vô lượng kiếp, sinh vô thượng phước đức căn lành.

Do thực hành pháp nhẫn, nên phá hết các vô minh về pháp chấp, sinh vô lượng trí tuệ.

Nếu hai hạnh ấy được hòa hiệp, thì đời đời không xa rời chư Phật.

Lại một hạnh:

"Ví như chúng sinh tâm dục nặng; thì đọa làm thân dâm điểu;

Tâm sân nặng thì thọ sinh trong loài độc trùng.

Nếu kẻ nào thường niệm Phật, ưa thích cõi Phật, không tham phước báu cõi nhân thiên, tất sẽ tùy tâm mến trọng của mình, quyết được sinh về Tịnh Độ, thường gần gũi chư Phật...".

Về sau, ngài Long Thọ phú pháp cho Tôn giả Ca Na Đề Bà, rồi nhập định như con ve bỏ xác mà hóa.

Trong kinh Lăng Già, về ngài Long Thọ, đức Phật đã có lời huyền ký với Đại Huệ Bồ Tát rằng:

“Đại Huệ ông nên biết;

Chứng sơ Hoan hỷ địa

Đời vị lai sẽ có

Sau khi ta Niết Bàn;

Tôn hiệu là Long Thọ;

Tỳ kheo danh đức lớn

Duy trì pháp của ta

Ở nước Nam Thiên Trúc

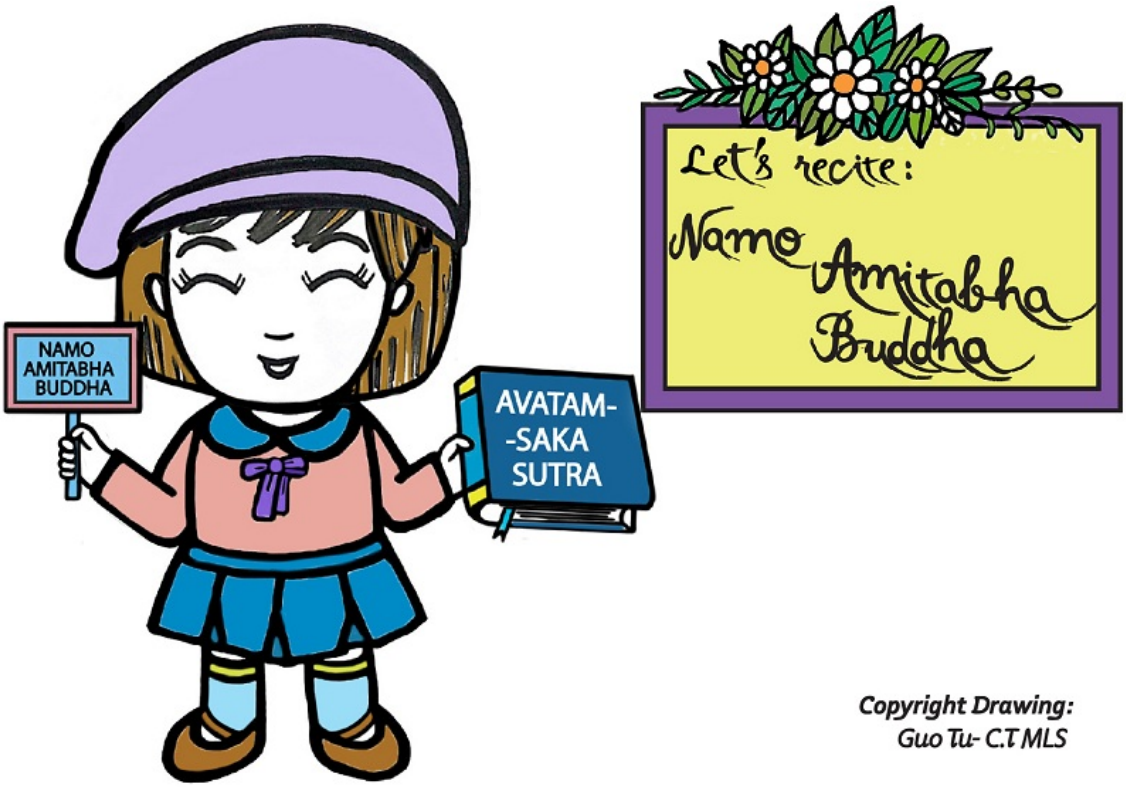
Trong thế gian hiển ngã

Phá các tông Hữu, Vô.”

Như thế, ngài Long Thọ ứng tích là bậc Sơ địa Bồ Tát bi trí rộng sâu, một thân làm Tổ sư của tám tông, mà vẫn phát nguyện cầu sinh TỊNH ĐỘ.

--

2. THIÊN THÂN LUẬN SƯ



Luận sư Thiên Thân, tân dịch là Thế Thân, tiếng Phạn tên Vasubandhu (Bà Tu Bàn Đầu), người nước Phú Lủ Sa Phú La.

Ngài ra đời ở Ấn Độ sau Phật Niết Bàn chín trăm năm tại vùng Bắc Thiên Trúc.

Ban sơ, luận sư xuất gia tu theo phái Tát Bà Đa ở nước A Du Xà, nghiên cứu về tiểu thừa giáo.

Trong thời gian này, ngài viết ra năm trăm bộ Luận tuyên dương giáo pháp tiểu thừa, bác phá đại thừa.

Sau nhờ trưởng huynh là luận sư Vô Trước khuyến hóa, ngài cảm ngộ hối sự lầm lỗi của mình, muốn cắt lưỡi để tạ tội.

Vô Trước can ngăn bảo :

"Em đã đem lưỡi ấy hủy báng đại thừa, nay cũng nên dùng lưỡi ấy để tán dương đại thừa mới là điều hợp lý.

Nếu cắt bỏ đi thì có ích lợi gì đâu !".

Ngài nghe lời từ đó chuyên tinh nghiên cứu về đại thừa giáo, rồi viết ra năm trăm bộ Luận tuyên dương pháp sâu rộng của đại thừa.

Do đó, ngài nổi danh về bậc trí tuệ bao la, biện thuyết uyên bác, và được người đương thời tôn xưng là Thiên Bộ Luận Sư.

Ngài có viết ra quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận, cũng gọi là VÃNG SINH LUẬN, khai thị về pháp môn TỊNH ĐỘ, phần đầu dùng lời kệ khen ngợi rằng:

Thế Tôn! Con một lòng

Quy mạng mười phương Phật,

Vô Ngại Quang Như Lai,

Nguyện sinh về Cực Lạc.

Xin nương theo nghĩa kinh,

Tướng công đức chơn thật;

Nói kệ, nguyện tổng trì

Hợp với lời Phật dạy.

Quán tướng thế giới kia

Siêu thắng hơn ba cõi

Cứu cánh như hư không

Rộng lớn không ngằn mé.

Đạo chính, đại từ bi

Căn lành xuất thế sinh

Ánh tịnh quang đầy khắp

Sáng hơn gương nhật, nguyệt

Đầy các tính trân bảo

Đủ sự trang nghiêm màu

Ánh vô cấu rực rỡ

Sáng sạch soi thế gian.

Cỏ công đức chất báu;

Mềm dịu xoay bên hữu

Xúc chạm sinh vui đẹp

Hơn lông Chiên lân đà.

Hoa báu ngàn muôn loại

Đầy khắp mặt suối ao

Gió nhẹ động cánh hoa

Ánh sáng giao xen lẫn

Các lâu đài, cung điện

Hiện bóng cảnh mười phương

Cây tạp, ánh sắc lạ,

Lan can báu vây quanh

Khắp hư không mành lưới

Vô lượng báu giao xen

Linh ngọc khua vang tiếng

Diễn nói pháp âm mầu

Mưa áo, hoa nghiêm đẹp

Tỏa vô lượng hương thơm

Phật huệ như nhật rạng

Trừ si ám thế gian.

Phạm âm ngộ sâu xa

Nhiệm mầu vang khắp cõi.

Đấng chánh giác Di Đà

Pháp vương khéo trụ trì

Tịnh chúng như hoa sạch

Hóa sinh từ đại giác.

Ưa thích pháp vị mầu;

Thiền định làm thức ăn

Lìa hẳn não thân tâm

An vui hằng tự tại.

Cõi căn lành đại thừa

Không điều chi hềm chê

Không có kẻ căn thiếu

Người nữ, giống Nhị thừa.

Chỗ chúng sinh ưa thích

Tất cả đều đầy đủ

Nên con nguyện vãng sinh

Về cõi Phật ADi Đà.

Đấng Bảo Vương Vô Lượng

Ngồi đài hoa sạch màu;

Tướng đẹp, ánh rực rỡ

Sắc tượng vượt muôn loài.

Như Lai tiếng vi diệu

Phạm âm vang mười phương

Cùng tứ đại, hư không

Hòa lẫn không phân biệt.

Chúng trời người bất động

Từ biển tịnh trí sinh

Như núi chúa Tu Di

Tướng đẹp mầu tột bậc

Tịnh chúng đều cung kính

Vây quanh chiêm ngưỡng Phật,

Sức bản nguyện Thế Tôn;

Chân thật không chi hơn

Khiến quần sinh mau đầy

Biển công đức báu lớn.

Cõi Cực Lạc thanh tịnh

Thường chuyển Vô cấu luân;

Chư hóa Phật, Bồ Tát

Đầy, sáng như Tu Di.

Mỗi thời đến mỗi niệm

Ánh vô cấu trang nghiêm

Chiếu khắp các Phật hội

Làm lợi ích quần sinh.

Mưa nhạc trời, áo, hoa

Cùng hương mầu cúng dường

Khen công đức chư Phật

Không còn tâm phân biệt.

Thế giới nào không có

Báu công đức Phật pháp

Con nguyện đều vãng sinh

Tuyên dương pháp như Phật.

Con viết luận nói kệ

Nguyện thấy A Di Đà;

Nguyện cùng khắp chúng sinh;

Đồng sinh về Cực Lạc.”

Toàn quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận phát huy về sự lợi ích trang nghiêm ở cõi Tịnh Độ rất rõ ràng.

Về sau, Pháp sư Đàm Loan đời Ngươn Ngụy có chú thuật thêm, khiến cho càng tăng phần đặc sắc.

--

Theo truyện Phú Pháp Tạng:

Thiên Thân Luận sư, tức Tôn giả Bàn Tu Bàn Đầu là vị Tổ thứ hai mươi mốt của Thiền tông bên cõi Tây Thiên.

Khi hóa duyên đã mãn, ngài gọi Tôn giả Ma Na La đến bảo:

"Nay ta đem pháp mầu vô thượng phú chúc cho ngươi.

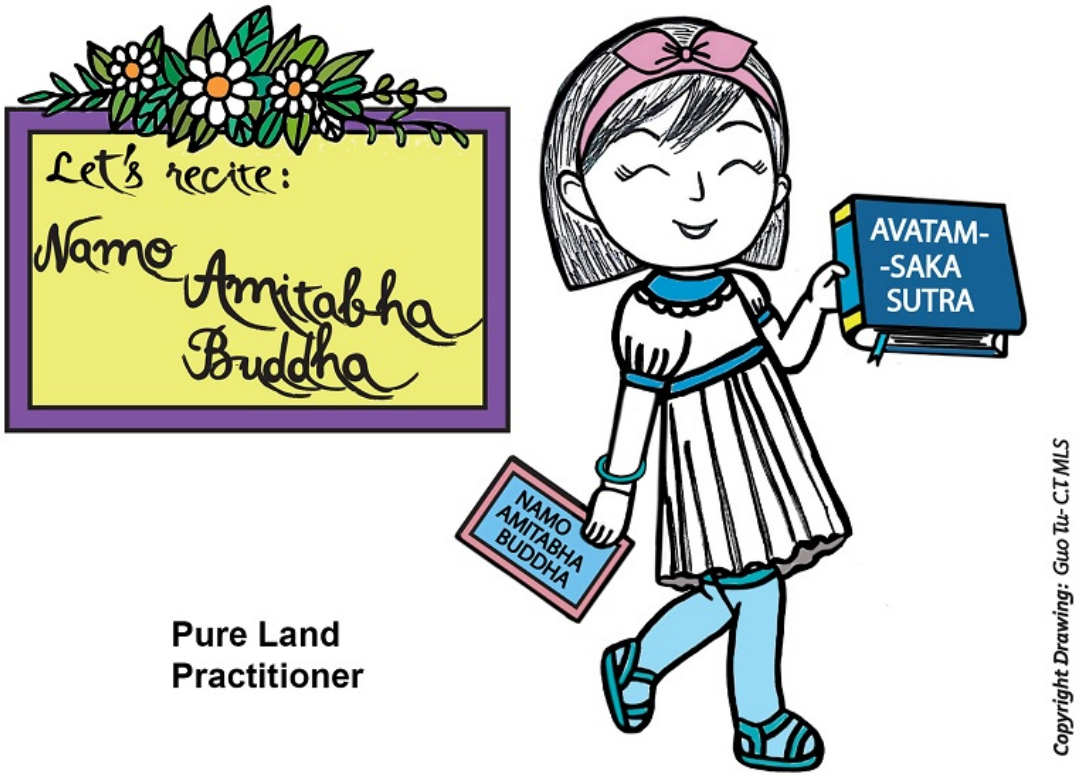
Ngươi hãy cố gắng mà hộ trì".

Nói xong, Ngài liền vào định mà nhập Niết Bàn.

--

3. GIÁC MINH DIỆU HẠNH BỒ TÁT

Đời nhà Minh, niên hiệu Sùng Trinh thứ mười sáu, có Bồ Tát dùng phương tiện giáng thần ở Ngô Môn, tự xưng là Giác Minh Diệu Hạnh, thường khuyên dạy về Phật pháp.



Đến năm Thuận Trị thứ tư đời nhà Thanh, do nhân duyên trước, ngài lại giáng đàn, tùy cơ nói pháp, khai diễn về môn TỊNH ĐỘ.

Trước tiên, Bồ Tát dùng lời kệ khai thị rằng:

“Pháp yếu của chư Phật;

Nhiệm mầu chẳng nghĩ bàn !

Bởi pháp chẳng nghĩ bàn

Không thể diễn hết ý

Đấng cha lành Mâu Ni

Thương xót khắp quần sinh

Nói chỗ không thể nói

Dắt kẻ trước người sau.

Lại dùng phương tiện lạ;

Chỉ rõ cõi Cực Lạc

Bảo phát nguyện vãng sinh

Vượt ngang ba đường ác.

Bởi Phật A Di Đà

Nguyện lớn nhiếp muôn loài

Như nghe danh thọ trì

Quyết sanh không còn nghi.

Nếu người có đại lực

Tâm niệm thường chuyên nhất

Thành tựu tam muội sâu

Đường Tây Phương như tin

Nay ta y thánh giáo

Tâm niệm thường chuyên nhất

Thương các ngươi mê lầm;

Hiện tiền cũng thấy Phật

Đây chẳng phải duyên nhỏ

Sắp diễn pháp lợi sinh.”

Lúc ấy các tín hữu trong đàn đều cung kính chấp tay yên lặng.

Bồ Tát lại dạy tiếp:

- Các ngươi nên biết: môn NIỆM PHẬT đây đích thật là tâm tông của chư Phật.

Là con đường giải thoát thẳng tắt nhất của hàng nhân thiên.

Nay các ngươi tuy có lòng tin, tuy thực hành hạnh niệm Phật cầu vãng sanh, nhưng nếu tâm nguyện không chí thiết, thì chẳng khác chi người đi biển gặp được châu báu mà lần lựa về tay không,

Tất cũng luống nhọc công vô ích !

Thuở xưa, nếu ta không nhờ tâm nguyện chí thiết, thì đâu được như ngày hôm nay.

--

Đời Minh Đế nhà Tấn, ta nguyên là một người bần dân.

Trong cảnh quá nghèo khổ, duyên may được nghe biết Phật pháp, ta phát đại nguyện rằng:

"Con vì túc nghiệp nên mới chịu quả báo khổ cực này.

Nếu hiện đời, con không được thấy Phật A Di Đà, được sinh về cõi Cực Lạc để thành tựu tất cả công đức, thì dù cho xả thân, nguyện không thối chuyển".

Phát thệ rồi, trong bảy ngày đêm ta chuyên tinh nhớ niệm Phật không thôi nghỉ.

Liền được tâm khai, thấy Phật A Di Đà tướng tốt rực rỡ, ánh sáng soi khắp mười phương.

Lúc ấy, trước Phật ta được nhờ ân thọ ký.

Đến năm bảy mươi lăm tuổi, ta ngồi niệm Phật thoát hóa, vãng sinh về Tây Phương.

Sau khi đắc quả, bởi nguyện độ sinh sâu nặng, ta trở lại cõi này tùy phương hiển hóa.

Từ đó, hoặc thị hiện làm thân tỳ kheo, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm vua, hoặc làm quan, hoặc làm người nữ, hoặc làm kẻ ăn xin, hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc thuận hoặc nghịch;

Ta đều tùy duyên nói pháp, dẫn dắt người mê.

Nay ta lại vì các ngươi chỉ rõ lẽ chánh tà, mở bày môn TỊNH ĐỘ.

Các ngươi phải một lòng một ý, bền tu pháp môn này.

Quyết định sẽ được lợi ích lớn, không còn sợ lầm lạc !

Nếu kẻ nào tâm chí bền chắc, thì không đợi sau khi vãng sinh, mà trong đời hiện tại cũng được thấy Phật.

--

***Hãy ghi nhớ bài kệ sau đây của ta mà tu tiến :

“NÓI ÍT MỘT CÂU CHUYỆN;

NIỆM NHIỀU MỘT CÂU PHẬT

Đánh chết được vọng niệm;

Hiển pháp thân chân thật.”

--

Một tín hữu thưa :

Bạch ngài! Con niệm Phật không được nhất tâm, chẳng biết phải dùng phương tiện nào ?

Bồ Tát dạy :

Ngươi nên ngồi yên lặng, dứt hết mọi tư tưởng, từ từ mà niệm.

Điều cốt yếu phải làm sao cho tiếng hợp với tâm, tâm hòa cùng tiếng, niệm lâu như thế, tự nhiên sẽ thấy lòng mình trong lặng.

Chừng ấy tâm cảnh chiếu sáng, dứt sự đối đãi, chứng vào NIỆM PHẬT TAM MUỘI.

Nhưng nên nhớ lúc bình nhật cần phải niệm nhiều, từ ngàn cho đến số muôn câu tâm không gián đoạn, thì căn khí mới dễ thành thục.

Nếu cưỡng ép muốn cho tâm mau qui nhất, tất trọn không thể được nhất tâm.

~Một tín hữu khác lại thưa:

Bạch Bồ Tát! Thế nào là nghĩa: TÂM HÀNH XỨ DIỆT?

Ngài dạy:

- TÂM HÀNH XỨ DIỆT là chỗ tuyệt đãi, không còn dấu vết của niệm phàm Thánh, là chân tâm thường trú của Phật.

Còn tâm hành xứ hữu là nghiệp tâm hoặc thiện hoặc ác trong vòng sống chết luân hồi của chúng sanh.

Vọng tâm này nối tiếp nhau không xen hở.

Nếu khi niệm Phật ngươi gia công miền mật, không còn mảy may tạp vọng, mới mong được đôi phần tương ứng.

Phải dè dặt, đừng có vừa thật hành được nửa năm hay mười tháng.

Rồi tự cho là mình đã khổ công tu niệm.

Nên biết ý nghĩ tự đắc ấy, chính là chỗ chướng đạo!

Lại tuy có gia công, nhưng nếu niệm lực chưa được vững như non đồng vách sắt, xô không ngã, lay chẳng động, thì sức niệm vẫn chưa thành một khối.

Phải tu tập liên tục, đừng nên thấy có chút ảnh hưởng liền dừng nghỉ.

Đó là lỗi "Bán đồ nhi phế" khiến cho công phu trước luống uổng, không được mảy may lợi ích chi.

Đây là căn bịnh lớn của người học đạo, cần phải lưu ý.

Nên biết rằng:

Phật pháp như bể cả, càng vào càng rộng sâu, quyết không thể dùng chút ít tri kiến mà thấu hiểu hết được.

Sự tu tập cần phải trọn đời, dụng công đến chỗ non cùng nước tận, chớ có quan niệm xem thường!

Khi ấy, ông Cố Định Thành đứng lên xin thỉnh giáo thêm về phương thức niệm Phật.

Ngài bảo:

- Này thiện nam tử ! Tâm thể vốn ly niệm, vọng niệm từ tư tưởng mà sinh.

Tư tưởng ấy nguyên giả dối, khiến cho người lưu chuyển trong vòng sinh tử.

Ngươi nên biết một câu A Di Đà Phật đây, chẳng từ tưởng mà sanh, không theo niệm mà có, chẳng trụ trong ngoài, không có hình dáng.

Niệm như thế nào thì dứt các vọng tưởng, cùng với chân thân nhiệm mầu thanh tịnh của Như Lai, chẳng đồng chẳng khác, không thể phân biệt.

*Niệm như thế thì phiền não trần lao không dứt không buộc, chỉ là NHẤT TÂM.

Được như thế mới gọi là CHẤP TRÌ DANH HIỆU, mới gọi là nhất tâm bất loạn.

Chừng ấy công tịnh nghiệp thành tựu, bước thẳng lên ngôi THƯỢNG PHẨM.

Nay ngươi nên phát nguyện lớn, cầu sinh về Cực Lạc.

Rồi chí thành cảm thiết xưng niệm A Di Đà Phật.

Phải quyết ý khiến cho tiếng nương theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm cùng tiếng hợp nhau.

Dụng công như thế lâu ngày không để sơ thất, chăm chú như mèo rình chuột, tất sẽ được vào Chính ức niệm tam muội.

Nếu muốn tu tiến thêm, phải tham cứu nhiều hàng tri thức, rộng hỏi các bậc cao minh, tất sẽ tỏ ngộ được ý mầu TỨC TÂM TỨC PHẬT.

~Kế tiếp cư sĩ Vô Hủ thưa thỉnh:

- Bạch ngài ! Xin từ bi chỉ dạy cho con phần khái yếu về sự tu tập. Từ lúc bình nhật cho đến khi lâm chung, con phải hành trì như thế nào ?

Bồ Tát nói :

- Đại để người tu tịnh nghiệp khi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc khởi cư ăn uống, đều nên hướng về phương Tây.

Như thế cơ cảm mới dễ thành, căn cảnh mới dễ thục.

Trong thất chỉ nên cúng một tượng Phật, một pho kinh, một bàn thờ, một lư hương, một bàn, một ghế, chẳng nên để nhiều đồ vật khác.

Ngoài sân cũng phải quét dọn trống trải sạch sẽ để đi kinh hành niệm Phật cho thuận tiện.

Nên giữ tâm mình vắng lặng không vướng một mảy tơ, muôn niệm đều quên, trong không thấy thân, ngoài không biết cảnh.

Cũng không nghĩ đến hành động hôm nay của ta đây là việc tu hành.

Như thế thì cùng với đạo ngày càng gần, với đời ngày càng xa, có thể thành tựu tịnh nghiệp.

Nếu lúc bình thời ngươi rủ sạch được muôn duyên, một lòng niệm Phật; thì khi lâm chung mới có thể không còn quyến luyến đến gia đình sự nghiệp, vui vẻ thanh thoát mà đi.

Đấy há chẳng phải là tác phong của bậc đại trượng phu ư !

Ta bảo như thế là muốn cho ngươi chuyên chí tu hành, không còn vướng bận điều chi.

Và đây chính là điều kiện rất quan trọng, thiết yếu !

Đến như pháp tu Tịnh Độ, vẫn không ngoài hai chữ Chuyên và Cần.

Chuyên thì không quản đến việc chi khác.

Cần thì không bỏ phí một phút giây.

Từ nay mỗi sáng sớm thức dậy, sau khi lễ Phật, ngươi nên tụng một quyển kinh A Di Đà, rồi tùy sức niệm Phật.

Kế đó quỳ đọc bài văn "Một lòng Quy mạng .. để phát nguyện hồi hướng, vì bài văn ấy lời giản dị mà ý đầy đủ.

Ban sơ thân tâm chưa yên, mỗi ngày chỉ khóa tụng hai thời, kế đó thì tăng lên đến bốn thời, nếu có thể, lên đến sáu thời.

Ngoài ra thì niệm thả không ký số, hoặc niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, chỉ nhiếp tâm chuyên nhớ mà thôi.

Lại, phép trì danh cần phải mỗi chữ mỗi câu, rành rẽ rõ ràng, tâm và tiếng hòa hợp nương nhau, không xen lẫn mảy may tư tưởng tạp vọng.

Niệm như thế lâu ngày, công lực sẽ tự thành thục, quyết định được sanh về cõi Liên Bang Cực Lạc.

Chừng ấy ngồi tòa sen báu lên Bất thối luân, tự tại giải thoát, há chẳng phải là điều đáng hoan hỷ ư ?

Nên cố gắng ! Cố gắng !

Bồ Tát giáng thần thuyết pháp, trước sau kể có hai mươi bốn hội.

Các đệ tử của ngài là bọn ông Thường Nhiếp thay phiên ghi chép, kết hợp thành bộ Tây Phương Xác Chỉ, khắc bản lưu truyền.

~LỜI PHỤ:



Phần Thánh nhơn khuyến hóa, gồm có sự tích và lời dạy của chư Thánh:

-Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, đức Đạo Sư A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Kỳ Bà Ca Tôn Giả, Mã Minh Đại Sĩ, Long Thọ Đại Sĩ, Thiên Thân Luận Sư, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát.

Trong đây, vì chọn phần giảng yếu, bút giả chỉ diễn dịch lại sự và lời của bốn vị sau cùng mà thôi.

Để kết thúc phần này, Ấn Quang pháp sư có ghi lời bình chú như sau:

Kinh Duy Ma Cật nói:

"Tuy biết các cõi Phật. Cùng chúng sanh đều không. Mà thường tu Tịnh Độ. Để giáo hóa quần sinh".

Sở dĩ như thế, vì các bậc đại thừa Bồ Tát không vị nào chẳng lấy TÂM BỒ ĐỀ làm căn bản, và tu Tịnh Độ làm trang nghiêm.

Bởi nếu không như thế, thì chẳng làm sao đầy đủ MƯỜI HẠNH NGUYỆN PHỔ HIỀN được.

Kinh HOA NGHIÊM, phẩm “Nhập Pháp Giới” nói:

"Các bậc đại Thanh Văn vì không tán dương công đức thanh tịnh của mười phương Tịnh Độ, vì không khen ngợi các sự thần biến của chư Phật Thế Tôn, vì không được các trí tuệ thần thông nghiêm tịnh cõi Phật, nên nơi hải hội Hoa Tạng Hoa Nghiêm tuyệt không nghe không thấy".

Thế thì biết, nếu hàng phàm phu nào có thể phát tâm trong sạch, hồi hướng về TỊNH ĐỘ, tất công đức sẽ hơn các bậc đại Thanh Văn kia quá bội trăm ngàn muôn ức lần.

Kẻ ấy quyết định mau được vào cảnh giới HOA NGHIÊM BẤT TƯ NGHỊ.

***Cũng trong kinh HOA NGHIÊM, đức Văn Thù Sư Lợi bảo Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng các bậc Đại thiện tri thức.

Trước tiên, Đồng tử tham học với ngài Đức Vân được nghe dạy về pháp môn NIỆM PHẬT.

Sau rốt, khi Thiện Tài đến thưa thỉnh, Phổ Hiền Bồ Tát cũng đem MƯỜI ĐẠI NGUYỆN VƯƠNG khuyên ngài và tất cả đại chúng ở Hoa Tạng thế giới, gồm năm mươi mốt giai vị:

Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác... đều nên phát tâm tu MƯỜI ĐẠI NGUYỆN VƯƠNG ấy, hồi hướng CẦU SINH CỰC LẠC.

*Xem đấy thì biết, môn Tịnh Độ cao thâm bao quát đến ngần nào!

Tiếc thay cho những vị chỉ biết giảng triết lý thiên không, cao đàm luận vô tướng.

Rồi xem thường chê bai người niệm Phật.

Những vị ấy thì trí tuệ quả thật có hơn đức Văn Thù, Phổ Hiền chăng?

--

*Trong mười ba vị Tổ của Tịnh Độ tông, đã có bảy ngài nguyên là THIỀN SƯ được chính truyền.

Các vị ấy là: Thừa Viễn, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, Hành Sách, Tỉnh Am và Triệt Ngộ.

Tại sao các ngài đã ngộ thiền mà không hoằng THIỀN, trở lại hoằng TỊNH ĐỘ?

~TRONG ĐÂY CÓ BA NGUYÊN YẾU:

1. VỀ PHÁP MÔN:

- Trực chỉ thiền, chỉ có lợi cho bậc thượng thượng căn, hàng trung, hạ khó bề thể nhập.

(Phi thượng thượng căn, Thận vật khinh hứa Tổ ngữ).

Còn môn Tịnh Độ thì lợi khắp cả ba căn.

Hàng thượng thượng căn tu Tịnh Độ, có thể hiện đời ngộ được bản tâm, chứng NIỆM PHẬT TAM MUỘI, khi mạng chung thì sinh về THƯỢNG PHẨM.

Dù kẻ tối hạ căn nếu chuyên niệm Phật, cũng được đới nghiệp vãng sanh, lên ngôi Bất thối chuyển.

Khi đã vãng sanh, kề cận A Di Đà, gần gũi Thánh chúng, thọ mạng vô biên kiếp.

Lo gì không ngộ chân tâm, chứng Thánh quả!

Vì sự lợi ích rộng rãi chắc chắn như thế, các Ngài mới khuyên tu TỊNH ĐỘ!

2. VỀ THỜI TIẾT:

- Trong thời Chánh pháp, có thật hành phần nhiều đều chứng quả, hoặc đi sâu vào thiền định, để làm cơ bản cho những kiếp tu sau.

Qua thời Tượng pháp, sự ngộ đạo còn có ít người, huống chi là chứng!

Đến thời Mạt pháp, như kinh Đại Tập nói:

"Ức ức người tu hành. Song khó tìm một người ngộ đạo".

Dù được ngộ đạo, nhưng chưa phải chứng, phiền não nghiệp tập hãy còn.

Khi luân hồi, bị phước báo làm mê, mười người đã thối chuyến hết chín.

Do đó, từ cuối thời Tượng bước sang Mạt pháp, chư đại thiện tri thức lần lần chuyển hướng dạy người tu TỊNH ĐỘ.

Vì bấy giờ thiền hóa còn thịnh hành, các ngài phải thị hiện phương tiện.

Trước triệt ngộ thiền cơ, sau hoằng dương TỊNH ĐỘ, mới được người đường thời tín nhiệm tuân hành.

3. VỀ CƠ DUYÊN:

- Từ đầu Mạt pháp trở về sau, căn cơ của quần chúng hầu hết là hạng trung, hạ.

Muốn thực hiện mục đích lợi sanh trong thời đại này, chư Bồ Tát phải tùy cơ duyên mà chủ trương Tịnh Độ.

Các tông khác tuy cũng rất cần chấn hưng, nhưng chỉ thuộc phần thứ yếu, bởi sự lợi ích không được phổ cập.

Từ trước chư Tôn túc trong các tông khác cũng xét biết điều này, nên tuy vẫn hoằng dương bổn môn, mà phần nhiều đều QUY HƯỚNG TỊNH ĐỘ.

*Như CHÂN YẾT LIỄU thiền sư nói:

"Những vị dưới tông Tào Động đều mật tu Tịnh Độ.

Bởi TỊNH ĐỘ thấy Phật còn dễ hơn Thiền tông".

(Động hạ nhất tông giai cụ mật tu, dĩ Tịnh Độ kiến Phật vưu giản vị ư tông môn).

--

Về như thời cận đại, Đế Nhàn pháp sư tuy truyền bá tông Thiên Thai, song vẫn NIỆM PHẬT.

Khi sắp viên tịch, ngài đọc lời kệ khuyến tấn đại chúng:

“Tôi nhờ niệm Phật.

Tịnh Độ hiện tiền.

Thọ dung chân thật.

Chúng gắng tinh chuyên!”

*Ấn Quang pháp sư trong bức thư gởi cho Thế An Hòa thượng, có nói:

"Trong mấy mươi năm lịch duyệt bắc -nam, đi về hàng muôn dặm, tôi kinh nghiệm thấy những vị thông minh hiểu suốt tông giáo, khinh thường Tịnh Độ. Khi lâm chung, họ phần nhiều mê loạn, đôi khi có trạng thái kêu la. Còn những người chân thật NIỆM PHẬT, dù tín- nguyện chưa chí thiết, không có thoại ứng lúc lâm chung, nhưng họ chết đều yên ổn cả".

Cho nên, từ lúc sinh tiền đến khi quá vãng, môn NIỆM PHẬT đích thật là CON THUYỀN CỨU KHỔ NHÂN SINH trong thời buổi này vậy.

--

4. HUỆ VĨNH ĐẠI SƯ:

Huệ Vĩnh đại sư, người đời Tấn, họ Phan quê ở Hà Nội.

Năm 12 tuổi ngài xuất gia, theo thừa sự sa môn Trúc Đàm Hiện.

Ban sơ, đại sư tu thiền định ở Hằng Sơn.

Kế lại cùng với ngài Huệ Viễn y chỉ tu học với Đạo An pháp sư.

Niên hiệu Thái Nguyên năm đầu, đại sư đến Lô Sơn.

Quan Thứ sử Đào Phạm mến hạnh đức, giở nhà mình đem lên núi xây cất thành ngôi Tây Lâm để cúng dường.

Ngài giữ nét thanh đạm từ hòa, mặc áo vải, ăn cơm rau, đoan nghiêm kiệm ước sửa mình.

Mặt thường lộ vẻ tươi cười.

Lời nói không thương tổn đến người cùng vật loại.

Về sau, đại sư để cảnh Tây Lâm cho chúng tu tịnh hạnh ở.

Riêng mình dời lên đảnh Lô Sơn, dựng một ngôi tĩnh thất lợp tranh, để thiền tư và NIỆM PHẬT.

Khách lên non viếng thăm, đến trú xứ của ngài, thường nghe mùi hương lạ nhẹ nhàng thanh thoát.

Nhân đó, hàng đạo tục thời bấy giờ gọi chỗ ở của đại sư là Hương Cốc.

Không bao lâu, có con mãnh hổ tới lưu trụ nơi tĩnh thất của ngài, để hầu hạ và giữ gìn.

Những tục khách vãng cảnh làm huyên náo, và các thú khác đến, đều bị hổ đuổi đi.

Có một độ đại sư nhân Phật sự phải xuống núi, lúc trở về thì đã xế chiều.

Khi đến Ô Kiều, gặp vị tướng chủ binh trại ở đó say rượu, cưỡi ngựa đón đường không cho đi.

Thấy trời sắp tối, ngài cầm tích trượng chỉ con ngựa.

Ngựa bỗng sợ hãi lồng lên, hất viên tướng té xuống cầu.

Đại sư bước tới đỡ dậy an ủi, bảo quân hầu cận đưa về dinh.

Nhân đó vị tướng cảm bệnh, khi lành mạnh vội lên non sám hối.

Đại sư bảo:

"Đó không phải là chủ ý của bần đạo, mà chính là thần Hộ giới xui nên đấy!".

Lại một lúc nọ, Trấn Nam tướng quân Hà Vô Kỵ, cho bộ tốt mời ngài đến nhiệm sở ở Tầm Dương, ý muốn vấn nạn.

Nhưng khi thấy đại sư mang dép cỏ, ôm bát, cầm tích trượng tới nơi, thần thái thanh nhã phiêu diêu.

Nét mặt đoan nghiêm điềm tĩnh, tướng quân bỗng sinh lòng nể sợ cảm phục, tiếp đãi một cách ân trọng, rồi cho quân sĩ hộ tống đưa về.

Hàng đạo tục nghe biết chuyện đó quy hướng ngày thêm đông nhiều.

--

Bình thời, đại sư siêng năng tinh tu, không nài khổ nhọc, chí nguyện mãn báo thân được sanh về Cực Lạc.

Niên hiệu Nghĩa Huy năm thứ mười, ngài xuống Tây Lâm, kế liền cảm bệnh nhẹ.

Vài hôm sau, đại sư đang nằm, bỗng ngồi dậy vén áo tìm dép muốn bước đi.

Đại chúng hỏi, ngài đáp:

"Tây phương Tam Thánh đã đến!".

Nói xong đứng chấp tay niệm Phật mà hóa. Thọ được 83 tuổi.

Khắp ngôi Tây Lâm, mùi hương lạ bay ngào ngạt, bảy hôm sau mới lần tan.

--

5. HUỆ KIỂN PHÁP SƯ:

Đời Tấn, Huệ Kiển pháp sư, họ Hoàng Phủ, người ở Bắc Địa.

Ngài xuất gia thuở bé, nghiêm giữ giới hạnh, tiết tháo cứng cỏi.

Tuổi trung niên, lên Lô Sơn nương ở với Viễn Công hơn mười năm.

Thấy đạo đức của Viễn Công cũng đủ chấn hưng đạo phong ở vùng ấy, Huệ Kiền phát tâm du hóa các xứ Ngô, Việt để hoằng dương chánh pháp.

Vào đầu niên hiệu Nghĩa Hy, pháp sư về trụ trì chùa

Gia Tường ở Sơn Âm, khuyến hóa hàng Tăng tục, tinh khổ hướng dẫn đại chúng tu hành.

Như thế, trải qua năm độ nắng mưa, ngài nhiễm bịnh, tự biết mình sắp mãn phần, chí thành niệm cầu với Đức Quán Thế Âm, nguyện sinh về An Dưỡng Cực Lạc.

Phía Bắc vùng Sơn Âm có một ni tự, trụ trì là sư cô Tịnh Nghiêm, nguyên bậc người đạo đức giới hạnh.

Một đêm, sư cô nằm mộng thấy Đức Quán Thế Âm từ cửa thành Tây đi đến, tướng đẹp màu, phóng ánh sáng trong suốt rực rỡ hơn vầng nhật nguyệt.

Trước sau tùy tùng các hàng Thánh chúng, tràng phan, hoa cái hiển hiện trang nghiêm.

Sư cô đảnh lễ thưa hỏi rằng:

"Kính bạch đại sĩ! Chẳng hay pháp giá quang lâm về đâu?".

Bồ Tát đáp:

"Ta đến chùa Gia Tường đón rước Huệ Kiền pháp sư".

Bên này, Kiền công cũng trông thấy Thánh tướng, tuy đau nhiều, vẫn tinh tấn trì niệm, thần sắc như thường.

Lúc ấy, thị giả và đại chúng đều nghe mùi hương lạ.

Giây lát, pháp sư chấp tay viên tịch.

Hàng đạo- tục nghe biết việc này, đều ngợi khen, ngưỡng mộ.

--

6. TĂNG TẾ PHÁP SƯ

Tăng Tế pháp sư, người đời Tấn, chưa rõ xuất xứ từ đâu.

Sau khi thọ đại giới, ngài lên Lô Sơn gia nhập Bạch Liên Xã, theo Viễn Công tu học.

Pháp sư ngộ sâu đến chỗ tinh yếu, hạnh giải siêu quần.

Hơn 30 tuổi, ngài thường xuống núi, đi khắp các thôn ấp khai giảng, hóa đạo quần chúng niệm Phật tu hành, được người đương thời xem như hàng sư tượng.

Viễn Công hằng khen ngợi rằng:

"Cùng với ta hoằng dương đại pháp, hẳn là Tăng Tế này chăng?".

Về sau, pháp sư đau nặng, khẩn thiết niệm Phật, tưởng thánh tướng cõi Tây Phương.

Viễn Công đến thăm, trao cho một cây đuốc, dạy rằng:

"Ông nên vận tâm tưởng niệm về An Dưỡng!".

Tăng Tế vâng lời, cầm đuốc nương nơi ghế, thỉnh chúng tụng kinh Vô Lượng Thọ, tự mình nhìn đuốc, định tâm chuyên tưởng không tán loạn.

Đến canh năm, pháp sư trao cây đuốc cho đệ tử là Nguyên Bậc, dặn bảo theo chúng tu hành.

Kế đó ngài tạm nằm nghỉ, mộng thấy mình cầm đuốc bay lên hư không về Tây Phương Cực Lạc, được Đức A Di Đà tiếp dẫn để trên bàn tay, đưa đi dạo khắp mười phương quốc độ.

Tỉnh giấc, pháp sư mừng bảo chúng:

"Tôi chỉ quán niệm có một đêm, liền được Phật tiếp dẫn.

Hiện tại thân không còn bệnh khổ nữa!".

Đêm sau, ngài đang ngồi bỗng đứng dậy, chăm chú nhìn lên hư không rồi bảo Nguyên Bậc rằng:

"Thánh tướng hiển hiện rất đẹp mầu.

Phật đã đến rước, ta đi đây!".

Rồi ngài đứng quay mình hướng về hướng Tây, chấp tay mà tịch.

Lúc ấy, nhằm thời tiết nóng bức, quàn để ba ngày mà thi thể không biến đổi.

Mùi hương thơm lạ vẫn bay thanh thoát. Pháp sư thọ được bốn mươi lăm tuổi.

--

7. HUỆ CUNG

Đời Tấn, Tăng sĩ Huệ Cung, người ở đất Dự Chương, huyện Phong Thành.

Mến hạnh đức của Viễn Công, ông kết bạn với chư sư:

Tăng Quang, Huệ Lan, lên Lô Sơn cùng gia nhập Bạch Liên Xã, nương ở với đại chúng đồng tu học.

Hai vị kia tuy sức học không bằng Huệ Cung, song hạnh tu TỊNH ĐỘ lại chuyên thiết chí thành hơn.

Huệ Lan thường bảo Cung rằng:

-Thầy tuy học rộng nghe nhiều, tài năng biện luận thông suốt, nhưng há không nhớ trong kinh có lời dạy:

"Như kẻ điếc tấu âm nhạc cho mọi người thưởng thức, mà chính mình không tự nghe hay sao?".

Huệ Cung chỉ mỉm cười, không mấy tin nhận để ý.

Bảy năm sau, Tăng Quang và Huệ Lan kế tiếp nhau vãng sinh.

Khi lâm chung đều có điềm lạ ứng hiện.

Bóng quang âm không dừng nghỉ,

Lại qua năm độ xuân sang, Huệ Cung bỗng cảm bệnh nặng.

Chừng ấy, sư chợt tỉnh ngộ, tự than rằng:

"Cuộc luân hồi sáu nẻo, bánh xe sống chết quay mãi lên xuống không dừng.

Ta sẽ đi về đâu?".

Nói xong, rơi lệ như mưa, gắng gượng đến trước bàn thờ Phật sám hối.

Đoạn, quyết chí xả thân liều chết, NIỆM PHẬT không xen hở.

Hơn hai mươi hôm sau, sư bỗng mộng thấy Phật A Di Đà bưng đài sen vàng đến rước, tự thân nhẹ bay lên kim đài.

Lại thấy Tăng Quang, Huệ Lan ngồi trên đài sen, ở trong ánh quang minh, bảo rằng:

"Trưởng lão vãng sanh tất vào ngôi THƯỢNG PHẨM.

Chúng tôi khôn xiết an ủi vui mừng!

Chỉ hận đã chìm lâu nơi cõi trược. Duyên bạn lành tương hội hơi trễ muộn đó thôi!".

Tỉnh giấc, Huệ Cung bạch lại với đại chúng.

Rồi chấp tay vui vẻ, phấn chấn NIỆM PHẬT mà tịch.

Bấy giờ, vào khoảng niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười một.

(Còn tiếp)

--

Bài: **Huy Khiêm, TP.HCM**

Tranh: **Guo Tu-C.T MLS**